TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tống Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sùng Seo Chử.

2. Bà Tẩn Thị Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Giàng Mạnh Vàng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị D, năm sinh 2001.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Chấu Seo P, năm sinh 2001.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Giàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, nhưng đến ngày 14/9/2022 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình anh chị không hợp nhau trong cuộc sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau về làm ăn, nuôi dạy con chung. Đến nay thì mâu thuẫn

giữa anh chị trở nên trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh P để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị D và anh P chỉ có hai người con chung là cháu Chấu Thu X, sinh ngày 10/12/2017 và cháu Chấu Thị T, sinh ngày 14/6/2020. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết: cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chấu Thị T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chấu Thu X cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Cháu X và cháu T do anh P đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hiện nay chị D làm nghề tự do, thu nhập của chị D hiện nay một tháng khoảng 6.000.000 đồng, còn anh P cũng làm nghề tự do, thu nhập của anh P một tháng khoảng 7.000.000 đồng.

2. Đối với bị đơn anh Chấu Seo P: Sau khi Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thực hiện thủ tục giao các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ cho anh P qua dịch vụ Bưu chính và người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với anh P - bố đẻ anh P là ông Chấu Seo C nhưng người nhận từ chối lấy. Sau đó Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, sau mỗi giai đoạn của thủ tục tố tụng Tòa án đã lập Biên bản xác minh thì Ủy ban nhân dân xã P đều xác nhận anh P đã nhận được thông tin về các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của anh P được, dẫn đến không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị D và anh P.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Chấu Thu X trình bày: Nếu bố mẹ đẻ cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của cháu X được ở với bố, vì bố đẻ của cháu là người quan tâm chăm sóc cháu về mọi mặt, mẹ đẻ cháu ít quan tâm chăm sóc cháu.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại các Điều 97, 98, 207, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật

Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo yêu cầu của Tòa án.

4.2. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử theo hướng:

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Giàng Thị D, cho chị D được ly hôn anh Chấu Seo P.

- Về con: Giao cháu Chấu Thị T, sinh ngày 14/6/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Chấu Thu X, sinh ngày 10/12/2017 cho anh Chấu Seo P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

- Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí đối với các đương sự.

- Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

4.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị D, Tòa án đã thực hiện thủ tục giao các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ cho anh P qua dịch vụ Bưu chính và người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với anh P - bố đẻ anh P là ông Chấu Seo C nhưng người nhận từ chối lấy. Sau đó Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, sau mỗi giai đoạn của thủ tục tố tụng Tòa án đã lập Biên bản xác minh thì Ủy ban nhân dân xã P đều xác nhận anh P đã nhận được thông tin về các văn bản tố tụng của Tòa án cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để anh P có ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D và phải có mặt tại trụ sở Toà án để khai về mối quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa anh P và chị D nhưng anh P vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hợp pháp. Qua lời khai của chị D, thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình anh

chị không hợp nhau trong cuộc sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau về làm ăn, nuôi dạy con chung. Đến nay thì mâu thuẫn giữa anh chị trở nên trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm giữa chị D đối với anh P không còn làm cho hôn nhân lâm váo tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người. Xét thấy, việc chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị D và anh P chung sống với nhau chỉ có hai con chung là cháu Chấu Thu X và cháu Chấu Thị T. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị D và anh P đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng hai con chung bình thường - xác minh tại địa phương thu nhập của chị D và anh P hiện nay một tháng mỗi người khoảng 6.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con ăn học. Hiện nay, cháu X và cháu T phát triển khỏe mạnh bình thưởng và đang ở cùng với anh P, cả cháu X và cháu T luôn được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt bình thường, bản thân cháu X có nguyện vọng là được ở với anh P, nên anh P sẽ chăm sóc cháu X tốt về mọi mặt. Vì vậy, việc chị D yêu cầu Toà án: giải quyết cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chấu Thị T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chấu Thu X cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh P.

[5] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận chị D là cá nhân thuộc hộ nghèo. Xét đề nghị của chị D là có căn cứ, phù hợp với khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,2,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị D và anh Chấu Seo P. Quan hệ hôn nhân của chị Giàng Thị D và anh Chấu Seo P được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Chấu Thị T, sinh ngày 14/6/2020 cho chị Giàng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao con chung cháu Chấu Thu X, sinh ngày 10/12/2017 cho anh Chấu Seo P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị D và anh Chấu Seo P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Giàng Thị D được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Mường Khương (2);
- CCTHADS huyện Mường Khương;
- UBND xã P, huyện M, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Tống Duy Toán